

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGÀNH: DƯỢC - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Danh sách các phòng chức năng

Các thiết bị đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng được sắp xếp vào các phòng chức năng phục vụ đào tạo, bao gồm:

1. Phòng kỹ thuật cơ sở
2. Phòng thực hành máy vi tính
3. Phòng học ngoại ngữ
4. Phòng thực hành Y sinh
5. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược học cổ truyền
6. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm
7. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng
8. Phòng thực hành Bào chế
9. Phòng Thực hành bán thuốc

2. Mô tả các phòng chức năng

2.1. Phòng kỹ thuật cơ sở

Phòng học kỹ thuật cơ sở là phòng được trang bị các thiết bị sử dụng để dạy và học các nội dung lý thuyết và những nội dung thực hành đơn giản của các môn học, mô đun của ngành, nghề. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 35 sinh viên.

2.2. Phòng thực hành máy vi tính

Phòng thực hành máy vi tính là phòng dùng để dạy và học môn Tin học cơ sở. Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm... có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm). Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.3. Phòng học ngoại ngữ

Phòng học ngoại ngữ là phòng dùng để dạy và học ngoại ngữ (tiếng nước ngoài) trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phòng được trang bị các thiết bị hiển thị hình ảnh, phát âm thanh, ghi âm và các loại học liệu để học và thực hành sử dụng ngoại ngữ. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.4. Phòng thực hành Y sinh

Phòng thực hành Y sinh là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học liên quan đến y học như Giải phẫu, Bệnh học, Vi sinh ký sinh v.v... Bên cạnh đó, phòng còn được sử dụng để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hiện sơ cứu cơ bản. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.5. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền

Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học, mô đun liên quan đến Thực vật, Dược liệu và Dược cổ truyền. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để nhận thức hình thái thực

vật, dược liệu, vị thuốc cổ truyền; định tính, định lượng các hoạt chất trong dược liệu và vị thuốc. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.6. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm

Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học, mô đun liên quan đến lĩnh vực Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa dược, Kiểm nghiệm. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để thực hành các phản ứng hóa học xác định thành phần, tính chất của các hợp chất vô cơ, hữu cơ, tiến hành các phương pháp định tính, định lượng nguyên liệu làm thuốc, pha các loại thuốc thử, kiểm nghiệm chất lượng mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.7. Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng

Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng là phòng thực hành được sử dụng để dạy và học các môn liên quan đến Dược lý, Dược lâm sàng. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để thực hiện các thí nghiệm tác dụng dược lý của thuốc, thực hành nhận biết các nội dung trên nhãn thuốc, tra cứu các thông tin về thuốc... và hướng dẫn sử dụng các thuốc, nhóm thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.8. Phòng thực hành Bào chế

Phòng thực hành Bào chế là phòng thực hành được sử dụng để dạy và học môn học, mô đun liên quan đến bào chế, sản xuất các dạng thuốc cơ bản. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để sinh viên thực hành pha chế, sản xuất các dạng thuốc cơ bản theo quy trình; thực hành kỹ năng vận hành, vệ sinh, bảo quản thiết bị. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

2.9. Phòng thực hành bán thuốc

Phòng thực hành bán thuốc là phòng để sinh viên thực hành các kỹ năng sắp xếp, trưng bày, bảo quản, cấp phát/bán, hướng dẫn tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, vật tư y tế. Phòng phải đáp ứng được mô hình một cơ sở bán lẻ thuốc đạt chuẩn “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

3. Tổng hợp các thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng

3.1. Phòng kỹ thuật cơ sở

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Máy in	Chiếc	1
4	Máy photo	Chiếc	1
5	Máy scan	Chiếc	1
6	Mô hình cơ thể bán thân có nội tạng	Bộ	8
7	Mô hình giải phẫu tim	Bộ	8
8	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
10	Mô hình giải phẫu não	Bộ	3
11	Túi cấp cứu	Túi	1
12	Âm kế	Chiếc	1
13	Nhiệt kế phòng	Chiếc	1
14	Bộ Atlas giải phẫu các cơ quan (hô hấp, tiết niệu, thần kinh, sinh dục...)	Bộ	1
15	Bộ ảnh mẫu thực vật	Bộ	1
	<i>Ảnh cây thuốc</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Ảnh vi phẫu lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Sơ đồ cấu tạo lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Ảnh hoa, quả và hạt, tế bào mô</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Ảnh hình thái lá cây, thân cây, rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
16	Các chế phẩm thuốc	Bộ	1
17	Vỏ hộp thuốc và thuốc mẫu đại diện các nhóm thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu hiện hành)	Bộ	1
18	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	1
19	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	1
20	MIMS	Quyển	1
31	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	1
22	Luật dược	Quyển	1
23	Các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	1
24	Bộ Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	1
25	Mẫu Phiếu nhập – xuất hàng – hóa đơn	Phiếu	1
26	Mẫu Phiếu lĩnh thuốc/hóa chất/vật tư y tế	Phiếu	1
27	Các loại hồ sơ sổ sách theo quy định “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”	Bộ	1
28	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
29	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
30	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1

3.2. Phòng thực hành máy vi tính

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m²/phòng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	33
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phong chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01
9	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	01
10	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	01

3.3. Phòng ngoại ngữ

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khô điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khô điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	19
7	Tai nghe	Bộ	54
8	Máy scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01

3.4. Phòng thực hành Y sinh

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học	Chiếc	35
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu	Bộ	2
4	Mô hình cơ thể bán thân có nội tạng	Bộ	8
5	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	4
6	Mô hình giải phẫu tim	Bộ	5
7	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	4
8	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu não	Bộ	5
10	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	9
11	Ổng nghe	Chiếc	9
12	Nhiệt kế y tế	Chiếc	12
13	Máy đo huyết áp	Chiếc	12
14	Bộ tiêu bản mẫu trứng các loại giun, sán	Bộ	9
15	Túi cấp cứu	Túi	9

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
16	Bộ vòi rửa cấp cứu	Bộ	1
17	Bộ Atlas giải phẫu các cơ quan (hô hấp, tiết niệu, thần kinh, sinh dục...)	Bộ	3

3.5. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm

- Số lượng phòng: 3

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ cân	Bộ	1
	Cân kỹ thuật	Chiếc	3
	Cân phân tích	Chiếc	3
2	Máy quang phổ UV - VIS	Bộ	1
3	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
5	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
6	Máy đo điểm chảy	Chiếc	1
7	Phân cực kế	Chiếc	1
8	Máy đo pH	Chiếc	2
9	Máy chuẩn độ đo thế	Chiếc	1
10	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
11	Máy ly tâm	Chiếc	1
12	Bộ thiết bị lọc hút chân không đồng bộ (bình hút chân không, máy hút chân không, phễu lọc)	Bộ	4
13	Thiết bị thử độ hòa tan	Bộ	1
14	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
15	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	1
16	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	1
17	Tủ ấm	Chiếc	1
18	Tủ lạnh	Chiếc	1
19	Tủ sấy	Chiếc	1
20	Tủ âm sâu	Chiếc	1
21	Lò nung	Chiếc	1
22	Máy vi tính	Bộ	1
23	Máy chiếu	Bộ	1
24	Máy in	Chiếc	1
25	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) (Thực tập tại Doanh nghiệp)	HT	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
26	Bể rửa siêu âm	Chiếc	1
27	Đèn tử ngoại soi bản mỏng	Chiếc	1
28	Máy đo độ cứng của viên	Chiếc	1
29	Máy đo độ mài mòn của viên	Chiếc	1
30	Máy lắc tròn	Chiếc	1
31	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
32	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
33	Ống mao quản chấm sắc kí	Chiếc	54
34	Ấm kế	Chiếc	1
35	Nhiệt kế	Chiếc	9
36	Nhiệt kế phòng	Chiếc	1
37	Bộ lọ đựng hóa chất đếm giọt	Bộ	1
	<i>Loại không màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>30</i>
	<i>Loại tối màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>25</i>
38	Bộ lọ đựng hóa chất nút mài	Bộ	1
	<i>Loại không màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>6</i>
	<i>Loại tối màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>15</i>
39	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	<i>10</i>
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
40	Micropipet	Chiếc	6
41	Bộ Pipet có bầu	Bộ	9
	<i>Loại 1 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 2 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 5 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
42	Bộ Pipet chia vạch	Bộ	6
	<i>Loại 1ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 5ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 20ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
43	Pipet Pasteur	Chiếc	20
44	Quả bóp cao su	Chiếc	20
45	Bộ bình định mức có nút mài	Bộ	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
46	Bộ ống đong	Bộ	1
	<i>Loại 5ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 25 ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	15
	<i>Loại 1000ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
47	Bộ cốc chân	Bộ	1
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	15
	<i>Loại 1000 ml</i>	<i>Chiếc</i>	5
48	Bộ cốc có mỏ	Bộ	1
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	36
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 1000 ml</i>	<i>Chiếc</i>	3
49	Bộ cối chày	Bộ	20
50	Đũa thủy tinh	Chiếc	20
51	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	20
52	Chén sứ	Chiếc	20
53	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
54	Giá lọc	Bộ	6
55	Bộ phễu lọc	Bộ	1
	<i>Loại phễu \varnothing 5 - 7cm</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại phễu \varnothing 10 - 15cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
56	Bộ bình nón có nút mài	Bộ	1
	<i>Bình nón có nút mài 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	36
	<i>Bình nón có nút mài 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	18
57	Bộ bình nón thường (không có nút mài)	Bộ	1
	<i>Bình nón 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	36
	<i>Bình nón 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	18

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
58	Buret 25 ml	Chiếc	20
59	Giá đỡ buret, kẹp buret	Bộ	30
60	Bộ bình lắng gạn	Bộ	18
	<i>Loại 50 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
61	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20 x 30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 30 x 40 cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
62	Bộ giá đựng, ống nghiệm	<i>Bộ</i>	1
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 5 ml</i>	<i>Bộ</i>	10
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 10 ml</i>	<i>Bộ</i>	10
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml</i>	<i>Bộ</i>	10
	<i>Kẹp ống nghiệm</i>	<i>Chiếc</i>	20
63	Ống nghiệm so sánh	Chiếc	10
64	Ống mao quản đo độ chảy	Chiếc	54
65	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	20
66	Đĩa petri	Cặp	36
67	Ống nghiệm có nắp vặn 20 ml	cái	20
68	Hộp lồng sấy đĩa petri	cái	3
69	Que cấy platin	cái	2
70	Que cấy polymer (nhựa)	cái	18
71	Que chang (tam giác)	cái	2
72	Kính bảo vệ mắt	Chiếc	18
73	Tủ đựng hóa chất	Chiếc	4
74	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
75	Túi cấp cứu	Túi	1
76	Bộ vòi rửa cấp cứu	Bộ	1
77	Bản Quy trình thực hiện phản ứng hóa học	Bản	10
78	Bản Quy trình kỹ thuật kiểm nghiệm hóa dược, dạng thuốc ...	Bản	10
79	Dược điển Việt Nam	Quyển	10
80	Hướng dẫn sử dụng các thiết bị (cân, máy quang phổ UV-VIS, máy đo pH, máy đo điểm chảy, HPLC,...)	Tờ	5

3.6. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược học cổ truyền

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học	Chiếc	18
2	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	2
3	Cân xác định hàm ẩm	Chiếc	1
4	Bếp đun bình cầu	Chiếc	4
5	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
6	Tủ sấy	Chiếc	2
7	Tủ sấy chân không	Chiếc	1
8	Đèn tử ngoại soi bản mỏng	Chiếc	1
9	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
10	Máy vi tính	Bộ	1
11	Máy chiếu	Bộ	1
12	Máy in	Chiếc	1
13	Máy hút ẩm	Chiếc	1
14	Máy hàn túi PE	Chiếc	1
15	Cân đĩa đồng hồ	Chiếc	1
16	Bộ lọ đựng hóa chất có nút mài đếm giọt	Bộ	1
	<i>Loại không màu</i>	<i>Lọ</i>	30
	<i>Loại tối màu</i>	<i>Lọ</i>	25
17	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
18	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
19	Khay sứ trắng	Chiếc	10
20	Bình cầu có sinh hàn ngược	Chiếc	1
21	Bộ Soxhlet	Bộ	1
22	Bộ dụng cụ cất tinh dầu	Bộ	4
23	Bộ bình lắng gạn	Bộ	1
	<i>Loại 50 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
24	Bộ Pipet có bầu	Bộ	1
	<i>Loại 1 ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 2 ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 5 ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
25	Bộ ống đong	Bộ	1
	<i>Loại 5 ml</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Loại 10 ml</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Loại 500 ml</i>	<i>Chiếc</i>	2
	Bộ Pipet chia vạch	Chiếc	6

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
26	Bộ bình định mức	Bộ	1
	<i>Loại 25 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
27	Pipet Pasteur	Chiếc	36
28	Bộ cốc có mỏ	Bộ	1
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
29	Bộ cốc chân	Bộ	1
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 500 ml</i>	<i>Chiếc</i>	3
30	Đũa thủy tinh	Chiếc	10
31	Giá lọc	Bộ	6
32	Bộ phễu lọc	Bộ	1
	<i>Loại phễu \varnothing 5-7 cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại phễu \varnothing 10 -15 cm</i>	<i>Chiếc</i>	5
33	Bộ bình nón có nút mài		
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	9
	<i>Loại 500 ml</i>	<i>Chiếc</i>	9
35	Bộ cối chày	Chiếc	6
36	Bình hút ẩm	Chiếc	2
37	Dao	Chiếc	2
38	Bộ dụng cụ cắt tiêu bản cầm tay (trục cắt, dao cắt)	Bộ	6
39	Kim mũi mác	Chiếc	20
40	Phiến kính/lamen	Hộp	10
41	Chén sứ	Chiếc	15
42	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	36
43	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
44	Hộp lồng petri	Chiếc	18
45	Kính lúp	Chiếc	6
46	Bộ giá đựng, ống nghiệm	Bộ	1
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 5 ml</i>	<i>Bộ</i>	6
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 10 ml</i>	<i>Bộ</i>	6
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml</i>	<i>Bộ</i>	6
	<i>Kẹp ống nghiệm</i>	<i>Chiếc</i>	20
47	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20 x 30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	18
	<i>Loại 30 x 40 cm</i>	<i>Chiếc</i>	6

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
48	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	3
49	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
50	Bếp	Chiếc	3
51	Chảo	Chiếc	3
52	Thuyền tán	Chiếc	2
53	Dao cầu	Chiếc	3
54	Bộ chiết xuất ngấm kiệt	Bộ	2
55	Ấm sắc thuốc	Chiếc	6
56	Bộ cối chày	Bộ	9
57	Bộ rây	Chiếc	6
58	Bộ ảnh mẫu thực vật		1
	<i>Ảnh cây thuốc</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Ảnh vi phẫu lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Sơ đồ cấu tạo lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Ảnh hoa, quả và hạt, tế bào mô</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Ảnh hình thái lá cây, thân cây, rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	1
59	Bộ Tiêu bản mẫu thực vật	Bộ	8
60	Cây thuốc nam	Loài	70
61	Bản Quy trình kỹ thuật sử dụng kính hiển vi, thiết bị máy móc ...	Bộ	1

3.7. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cân thường</i>	<i>Chiếc</i>	1
2	Máy vi tính có kết nối mạng internet	Bộ	1
3	Máy chiếu	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Cốc chân 100 ml	Chiếc	6
6	Bộ ống đong	Bộ	6
	<i>Loại 5ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
7	Pipet Pasteur	Chiếc	10

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
8	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20 x 30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	18
	<i>Loại 30 x 40 cm</i>	<i>Chiếc</i>	4
9	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	2
10	Bộ cốc có mỏ	Bộ	6
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
11	Đũa thủy tinh	Chiếc	20
12	Bộ dụng cụ mô phỏng vật thí nghiệm (kéo, panh, bàn giữ, dao)	Bộ	6
13	Ống nghe	Chiếc	6
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	8
15	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
16	Hộp giữ chuột để tiêm	Chiếc	6
17	Lồng nhốt chuột	Chiếc	2
18	Kim đầu tù (cho chuột uống thuốc)	Chiếc	18
19	Hộp giữ thỏ để tiêm thuốc	Chiếc	3
20	Lồng nhốt thỏ	Chiếc	2
21	Bộ chế phẩm thuốc	Bộ	9
22	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	18
23	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	6
24	MIMS	Quyển	6
25	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	6
26	Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định	Quyển	6
27	Các bản mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1

3.8. Phòng thực hành Bào chế

- Số lượng phòng: 3

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
2	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	6

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	2
3	Máy nghiền trục (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
4	Máy rây rung (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
5	Máy trộn bột khô, bột ẩm (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
6	Máy kiểm tra độ dẻo của bột (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
7	Máy xát hạt (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
8	Máy chỉnh hạt (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
9	Máy dập viên 1 chày	Chiếc	1
10	Máy bao phim	Chiếc	1
11	Máy đo độ cứng viên nén	Chiếc	1
12	Hệ thống trộn đùn vo, tạo cầu (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
13	Máy mở vỏ nang	Chiếc	1
14	Máy đóng nang (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
15	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
16	Thiết bị thử độ hòa tan	Chiếc	1
17	Máy ép vỉ (doanh nghiệp)	Chiếc	
18	Máy hàn túi PE	Chiếc	1
19	Thiết bị kiểm tra độ kín của bao bì (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
20	Máy đóng tuýp thuốc mỡ (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
21	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
22	Máy lọc nén	Chiếc	1
23	Máy soi độ trong	Chiếc	1
24	Máy ép nút nhôm	Chiếc	1
25	Máy cất nước	Chiếc	1
26	Hệ thống xử lý nước RO	Chiếc	1
27	Tủ lạnh	Chiếc	1
28	Tủ sấy	Chiếc	1
29	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
30	Máy đo pH	Chiếc	1
31	Máy đo hàm ẩm	Chiếc	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
32	Máy quang phổ UV-VIS	Chiếc	1
33	Bộ chiết xuất ngâm kiệt	Bộ	1
34	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
36	Máy vi tính	Bộ	1
37	Máy chiếu	Bộ	1
38	Máy in	Cái	1
39	Alcol kế bách phân	Chiếc	20
40	Nhiệt kế bách phân	Chiếc	20
41	Phù kế Baume	Chiếc	20
42	Bộ rây	Bộ	2
43	Bộ cối chày	Bộ	20
	<i>Loại cối $\varphi 10$</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Loại cối $\varphi 15$</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Loại cối $\varphi 20$</i>	<i>Bộ</i>	1
44	Bộ cốc chân	Bộ	20
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
45	Bộ cốc có mỏ	Bộ	20
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 200ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 1000ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
46	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
47	Đũa thủy tinh	Chiếc	30
48	Giá lọc	Chiếc	20
49	Bộ Phễu lọc	Chiếc	1
	<i>Loại phễu $\varphi 5 - 7cm$</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại phễu $\varphi 10 - 15cm$</i>	<i>Chiếc</i>	10
50	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20x30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	18
	<i>Loại 40x50cm</i>	<i>Chiếc</i>	2
51	Bộ ống đong	Bộ	20
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	Pipet Pasteur	Bộ	15
52	Quả bóp cao su	Chiếc	20
53	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	54
	Bộ khuôn thuốc	Bộ	2
54	<i>Khuôn thuốc đạn</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Khuôn thuốc trứng</i>	<i>Chiếc</i>	6
55	Khuôn đóng nang thủ công	Bộ	10
56	Bộ chiết xuất ngâm kiệt	Bộ	1
57	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
58	Chảo	Chiếc	6
59	Bếp	Chiếc	6
60	Bát sứ, thìa sứ	Bộ	18
	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
61	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	2
62	Bản Quy trình vận hành thiết bị	Bộ	5
63	Bản Quy trình kỹ thuật bào chế các dạng thuốc	Bộ	8

3.9. Phòng Thực hành bán thuốc

- Số lượng phòng: 1

- Diện tích: 73m²/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Máy in	Chiếc	1
4	Máy hút âm không khí	Chiếc	1
5	Điều hòa nh độ	Chiếc	1
6	Tủ lạnh	Chiếc	1
7	Hệ thống tủ quầy, giá, kệ trưng bày, bảo quản thuốc	Bộ	1
8	Bàn, ghế tư vấn	Bộ	1
9	Bồn rửa tay	Chiếc	1
10	Ghế ngồi chờ	Chiếc	9
11	Tủ ra lẻ thuốc	Bộ	1
12	Nhiệt kế, âm kế tự ghi	Chiếc	3
13	Bình cứu hỏa	Bình	2
14	Khay đếm thuốc	Chiếc	6

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
15	Máy tính	Chiếc	4
16	Nhiệt kế y tế	Chiếc	6
17	Máy đo huyết áp	Chiếc	6
18	Vỏ hộp thuốc và thuốc mẫu đại diện các nhóm thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu hiện hành)	Bộ	1
19	Các đơn thuốc thực hành hoặc mô phỏng	Bộ	1
20	Mẫu Phiếu nhập – xuất hàng – hóa đơn	Phiếu	10
21	Mẫu Phiếu lĩnh thuốc/hóa chất/vật tư y tế	Phiếu	20
22	Bộ Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	9
23	Luật dược	Quyển	6
24	Các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	6
25	Dược thư Quốc gia	Quyển	6
26	Tra cứu sử dụng Thuốc và biệt dược	Quyển	6
27	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
28	Các loại hồ sơ sổ sách theo quy định “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”	Bộ	1
29	Thuốc thực hành	Nhóm	30

II. NHÀ GIÁO

1. Tổng số nhà giáo ngành, nghề Dược cao đẳng: 149
2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 350/149
3. Danh sách nhà giáo

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
1	Lê Hòa Bình	Thạc sỹ	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
2	Nguyễn Thị Lệ Ninh	Thạc sỹ	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
3	Vũ Thị Hương Trà	Cử nhân	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
4	Hoàng Thị Thủy	Tiến sỹ	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
5	Vũ Thị Lệ	Cử nhân	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
6	Trịnh Thị Mai	Thạc sỹ	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
7	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thạc sỹ	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
8	Nguyễn Thị Thúy Hương	Thạc sỹ	x		Giáo dục hình trị, Pháp luật
9	Văn Tiến Trung	Cử nhân GDTC	x		Giáo dục thể chất
10	Nguyễn Khắc Hoạch	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục thể chất; GDQP-AN
11	Ngô Minh Đức	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục thể chất; GDQP-AN
12	Trần Tuấn Đạt	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục thể chất; GDQP-AN
13	Trịnh An Toàn	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục thể chất; GDQP-AN

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
14	Vũ Duy Dương	CN GDTC-GDQP AN	x		Giáo dục thể chất; GDQP-AN
15	Đỗ Thị Huệ	Cử nhân GDTC	x		Giáo dục thể chất
16	Nguyễn Đắc Lâm	Cử nhân GDTC	x		Giáo dục thể chất
17	Nguyễn Văn Sơn	Cử nhân GDTC	x		Giáo dục thể chất
18	Nguyễn Hải Vũ	Cử nhân GDTC	x		Giáo dục thể chất
19	Nguyễn Quốc Hùng	Tiến sỹ CNTT	x		Tin học
20	Nguyễn Văn Ngân	Cử nhân CNTT	x		Tin học
21	Đỗ Thị Thanh Hải	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
22	Hoàng Thị Kim Oanh	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
23	Lê Việt Anh	Cử nhân tin học	x		Tin học
24	Nguyễn Hùng Cường	Kỹ sư CNTT	x		Tin học
25	Nguyễn Ngọc Chiến	Cử nhân CNTT	x		Tin học
26	Trần Thị Thơm	Cử nhân CNTT	x		Tin học
27	Trần Thu Thủy	Thạc sỹ CNTT	x		Tin học
28	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sỹ	x		Tiếng Anh
29	Dương Thị Thanh Hoà	Cử nhân Trung Anh	x		Tiếng Anh
30	Vũ Thị Hòa	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
31	Vũ Thị Hồng Nhung	Cử nhân Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
32	Cầm Thị Kiều Anh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
33	Hoàng Thị Thu Hoài	Thạc sỹ Tiếng anh	x		Tiếng Anh
34	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
35	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
36	Nguyễn Thị Mai Lương	Cử Nhân Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
37	Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
38	Phạm Thị Thủy	Cử nhân	x		Tiếng Anh

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
		Tiếng Anh			
39	Phạm Thị Việt Hà	Thạc sỹ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
40	Hoàng Thị Mỹ Dung	Thạc sỹ	x		Tiếng Anh
41	Hà Vũ Huy	Thạc sỹ	x		Hóa đại cương - Vô cơ, Hóa Hữu cơ
42	Lý Thu Thương	Dược sỹ đại học	x		Hóa đại cương - Vô cơ, Hóa Hữu cơ
43	Dương Thị Thúy Ngân	Dược sỹ đại học	x		Hóa đại cương - Vô cơ, Hóa Hữu cơ
44	Đỗ Thị Huyền Trang	Dược sỹ đại học	x		Hóa đại cương - Vô cơ, Hóa Hữu cơ
45	Nguyễn Thị Hà Giang	Bác sỹ YHDP	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
46	Nguyễn Văn Tĩnh	Thạc sỹ Y học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
47	Ngô Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
48	Phạm Thị Ngọc Diệp	Thạc sỹ Sinh học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
49	Tạ Phương Thùy	Thạc sỹ Sinh học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
50	Hoàng Thị Thúy Hằng	Tiến sỹ Sinh học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
51	Lê Thị Huyền Trang	Bác sỹ YHDP	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
52	Ngô Thị Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
53	Hoàng Thị Tuyết	BS Chuyên Khoa I	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
54	Đinh Đức Thọ	Cử nhân Kỹ Thuật Y học	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
55	Đào Thị Huệ	Chuyên khoa I xét nghiệm	x		Vì sinh - ký sinh trùng; Hóa sinh
56	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ Y học	x		Giải phẫu - Sinh lý
57	Nguyễn Văn Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		Giải phẫu - Sinh lý
58	Ngô Thị Trang	Bác sỹ YHDP	x		Giải phẫu - Sinh lý
59	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Hóa dược; Quản trị kinh doanh và kinh tế dược
60	Nguyễn Thị Thắng	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Hóa dược; Kiểm nghiệm
61	Trần Thị Thu Huyền	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Hóa dược
62	Vũ Thị Nguyên	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu; TTTN

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
63	Phan Phương Hằng	Thạc sỹ Y học	x		Thực vật; Dược liệu; TTTN
64	Triệu Thị Dung	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu, TTTN
65	Lê Thu Hoài	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu; TTTN
66	Hồ Lương Nhật Vinh	Thạc sỹ dược	x		Thực vật; Dược liệu, quản lý dược; Quản trị kinh doanh và kinh tế dược; TTTN
67	Mưu Thị Lê	Bác sỹ đa khoa	x		Bệnh học
68	Lương T. Lan Phương	Cử nhân Điều dưỡng	x		Bệnh học
69	Mai Hoàng Anh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Bệnh học
70	Hoàng Việt Ngọc	BS Chuyên Khoa II	x		Bệnh học
71	Lương Trung Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
72	Nông Thị Tuyền	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
73	Phùng Thị Tuyết Nga	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
74	Trần Văn Lợi	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Bệnh học
75	Nguyễn Anh Tú	Thạc sỹ	x		Bệnh học
76	Hoàng Việt Thái	Cử nhân Điều dưỡng	x		Bệnh học
77	Đình Ngọc Hoàng	BS Chuyên Khoa I	x		Bệnh học
78	Đào Trọng Tuyên	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
79	Lê Hoài Nam	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
80	Hoàng Thị Đan	Bác sỹ đa khoa	x		Bệnh học
81	Hoàng Thị Phương Thanh	Bác sỹ đa khoa	x		Bệnh học
82	Nguyễn Thị Hồng	Bác sỹ đa khoa	x		Bệnh học
83	Chu Thị Thùy Linh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Bệnh học
84	Nguyễn Đức Quý	ĐD Chuyên Khoa I	x		Bệnh học
85	Bùi Thị Tuyết Lan	Thạc sỹ dược	x		Quản lý dược, Pháp chế dược, Khởi tạo doanh nghiệp
86	Lương Đức Thịnh	Dược sỹ đại học	x		Quản lý dược, Pháp chế dược, Khởi tạo doanh nghiệp; TTTN
87	Triệu Hải	Dược sỹ CKI	x		Quản lý dược, Pháp chế

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
					được, Khởi tạo doanh nghiệp; TTTN
88	Nguyễn Thị Mươi	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2; Kiểm nghiệm
89	Cao Hoàng Hải	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2
90	Lê Thanh Nghị	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2; Kiểm nghiệm; Quản trị kinh doanh và kinh tế dược
91	Lê Thị Nhật Ánh	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2
92	Trần Diệu Linh	Dược sỹ trung học	x		Bào chế 1; Bào chế 2
93	Hoàng Thu Trang	Dược sỹ đại học	x		Kiểm nghiệm; Hóa Hữu cơ
94	Lê Thanh Liêm	Dược sỹ đại học	x		Kiểm nghiệm; Hóa dược; TTTN
95	Hoàng Thị Tuyết Mai	Cao đẳng dược	x		Kiểm nghiệm, Hóa hữu cơ
96	Phạm Thị Thanh Nga	Cao đẳng dược	x		Kiểm nghiệm, Hóa dược
97	Bùi Thị Quỳnh Nga	Dược sỹ đại học	x		Dược lý 1; Dược lý 2
98	Vũ Thị Thùy Dương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý 1; Dược lý 2
99	Lưu Thị Hồng Vân	Dược sỹ đại học	x		Dược lý 1; Dược lý 2
100	Nguyễn Kim Thành	BS Chuyên Khoa II	x		Dược lý 1; Dược lý 2
101	Nguyễn Bá Thắng	Thạc sỹ	x		Dược lý 1; Dược lý 2
102	Dương Ngọc Trang	Bác sỹ đa khoa	x		Dược lý 1; Dược lý 2
103	Vũ Thị Hiền	Thạc sỹ Y học	x		Dược lý 1; Dược lý 2
104	Dương Thị Phương	Dược sỹ đại học	x		Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc; Dược lý 1
105	Hoàng Hải Yến	Dược sỹ đại học	x		Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc; Dược lý 1
106	Đặng Trần Trang Nhung	CN	x		Quản trị kinh doanh và kinh tế dược
107	Hoàng Thị Kim Luyến	Dược sỹ đại học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng; TTTN
108	Khúc Thị Tuyết Hường	Thạc sỹ Y học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
					cộng đồng
109	Nguyễn Minh Tuấn	PGS -TS Y học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
110	Nguyễn Thanh Hòa	Bác sỹ YHDP	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
111	Nguyễn Văn Quang	Bác sỹ YHDP	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
112	Trần Ngọc Thúy	Thạc sỹ Y học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
113	Lê Hải Yến	Thạc sỹ	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
114	Nguyễn Đức Toàn	Bác sỹ YHDP	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
115	Nguyễn Thị Thái Hà	Thạc sỹ Y học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
116	Bùi Thị Hương Quỳnh	CN Y tế công cộng	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
117	Bùi Duy Hưng	Thạc sỹ Y học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
118	Hoàng Anh Tuấn	Tiến sỹ Y học	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
119	Hoàng Tư Nghĩa	Bác sỹ YHDP	x		Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng; Thực tập cộng đồng
120	Lường Thị Thời	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
121	Nguyễn Xuân Tùng	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
122	Vi Văn Quân	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
123	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
124	Hoàng Việt Dũng	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
125	Đào Thị Dân	BS Chuyên Khoa I	x		Dược cổ truyền
126	Dương Thị Quyên	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
127	Nguyễn Xuân Huỳnh	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
128	Trần Thị Hải	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
129	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
130	Hoàng Thị Ngọc Bích	BS Chuyên Khoa II	x		Dược lâm sàng
131	Nguyễn Thị Hoa	Bác sỹ đa khoa	x		Dược lâm sàng
132	Đào Minh Tuyết	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
133	Phan Thanh Ngọc	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
134	Nguyễn Giang Nam	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
135	Dương Ngọc Anh	BS Chuyên Khoa I	x		Dược lâm sàng
136	Huỳnh Phước Điền	BS Chuyên Khoa I	x		Dược lâm sàng
137	Lê Thị Bình	Bác sỹ đa khoa	x		Dược lâm sàng
138	Hoàng Thị Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
139	Lê Thị Hà Giang	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
140	Dương Thúy Quỳnh	Bác sỹ đa khoa	x		Dược lâm sàng
141	Vũ Thu Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		Dược lâm sàng
142	Bê Thu Hà	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
143	Nguyễn Thị Lập	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
144	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
145	Hoàng Thị Thương	CĐ Điều dưỡng	x		Thực tập Dược lâm sàng
146	Bùi Thị Thu Hằng	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
147	Nguyễn Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
148	Phan Việt Nga	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
149	Nguyễn Hoa Ngân	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DƯỢC - TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tên ngành: DƯỢC

Mã ngành: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người dược sỹ là nhân lực trực tiếp làm các công việc như phòng thí nghiệm của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; viện, trung tâm, phòng kiểm nghiệm; các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc, kho thuốc; bộ phận dược của các cơ sở y tế như bệnh viện các tuyến, trung tâm y tế, trạm y tế, phòng khám chữa bệnh..., có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về bệnh học, hóa hữu cơ, hóa phân tích, cấu tạo và chức năng của cơ thể vào chuyên môn Dược.

- Trình bày được những đặc điểm chính (dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định) của các thuốc, vắc xin; phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi; phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.

- Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của một số vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu.

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc; phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế; mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc.

- Trình bày được quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm; liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc; trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng.

- Trình bày được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt trong thực hành nghề nghiệp; các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.

- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về giáo dục chính trị, pháp luật, các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Dược nói riêng

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện thành thạo được các kỹ thuật bào chế thuốc cơ bản, áp dụng được các quy trình bào chế các dạng thuốc vào lĩnh vực sản xuất, đồng thời thực hiện việc pha chế một số thuốc tại cơ sở y tế.

- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định. pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định; kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển.

- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và một số vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;

- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;

- Xây dựng được mối quan hệ thân thiện, hợp tác, tin tưởng với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng và cộng đồng. Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp hiệu quả nhằm khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của người bệnh; xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ; tư vấn, lựa chọn thuốc và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn, hiệu quả, hợp lý.

- Sử dụng được ngoại ngữ và tin học cơ bản, ứng dụng được ngoại ngữ, tin học vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về an toàn lao động; nguyên tắc sử dụng bảo dưỡng các trang thiết bị trong ngành dược; chịu trách nhiệm về quá trình kiểm nghiệm; về chất lượng, lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

- Có khả năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá thông tin; thông tin một cách hiệu quả, tin cậy tới các đối tượng khác nhau.

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm để cùng đạt tới mục tiêu chung và hướng dẫn, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện hành nghề theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, các quy chế chuyên môn để thiết lập môi trường làm việc an toàn, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cao đẳng Dược, sinh viên sẽ làm việc trong các cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, Viện kiểm nghiệm, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm...); cơ sở sản xuất, kinh doanh Dược ... của nhà nước hoặc tư nhân.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 31
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 110 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2145 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 904 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1533 giờ

3. Nội dung chương trình

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
I		Các môn chung					
1	MHCĐ150	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	MHCĐ151	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	MHCĐ152	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	MHCĐ153	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4
5	MHCĐ154	Tin học	3	75	15	58	2
6	MHCĐ155	Ngoại ngữ	6	120	42	72	6
		Tổng	20	435	157	255	23
II		Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1		Môn học, mô đun cơ sở					
7	MHCĐ156	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	5	90	57	28	5
		<i>Sinh học và Di truyền</i>			14		1
		<i>Giải phẫu- Sinh lý</i>			27	16	3
		<i>Hoá sinh</i>			16	12	1
8	MHCĐ157	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	30	24	4	2
9	MHCĐ179	Hoá học đại cương - Vô cơ	3	60	29	28	3
10	MĐCĐ157	Hóa phân tích	4	90	28	56	6
11	MHCĐ180	Hoá hữu cơ	3	60	29	28	3
12	MHCĐ158	Thực vật	3	60	29	26	5
13	MHCĐ159	Bệnh học	4	60	56	0	4

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
		Tổng	24	450	252	170	28
II.2		Môn học, mô đun chuyên môn					
14	MĐCĐ153	Dược liệu	3	75	14	56	5
15	MHCĐ160	Quản lý dược	3	45	43	0	2
16	MHCĐ161	Bào chế 1	4	90	28	56	6
17	MHCĐ162	Bào chế 2	4	90	28	56	6
18	MĐCĐ156	Hóa dược	4	90	28	56	6
19	MHCĐ163	Dược lý 1	4	75	42	28	5
20	MHCĐ164	Dược lý 2	4	75	42	28	5
21	MHCĐ165	Kiểm nghiệm	3	60	29	28	3
22	MHCĐ166	Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc	3	60	29	28	3
23	MHCĐ167	Dược lâm sàng	4	75	42	28	5
24	MHCĐ168	Thực tập Dược lâm sàng	4	180	0	172	8
25	MHCĐ169	Dược cổ truyền	4	90	28	56	6
26	MHCĐ170	Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng	3	45	43	0	2
27	MHCĐ171	Quản trị kinh doanh và kinh tế dược	3	45	43	0	2
28	MHCĐ172	Thực tập cộng đồng	2	90	0	86	4
29	MHCĐ173	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	430	20
		Tổng	62	1635	439	1108	88
II.3		Môn học, mô đun tự chọn					
30		Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các môn học sau)	2	30	28	0	2
30a	MHCĐ174	<i>Khởi tạo doanh nghiệp</i>					
30b	MHCĐ175	<i>Dược lâm sàng và điều trị</i>					
30c	MHCĐ176	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học</i>					

TT	Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra
30d	MHCĐ177	<i>Tiếng anh chuyên ngành</i>					
31		Tự chọn 2 (chọn 1 trong các môn học sau)	2	30	28	0	2
31a	MHCĐ178	<i>Pháp chế dược</i>					
31b	MHCĐ179	<i>Dược động học lâm sàng</i>					
		Tổng	4	60	56	0	4
		Tổng toàn chương trình	110	2580	904	1533	143

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thực hiện theo Quyết định 162/QĐ-CDYT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Dược và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành Dược theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn